

ỨNG DỤNG KHUNG QUẢN TRỊ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN TRONG QUẢN TRỊ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Đức Thành

Phạm Văn Long

Lê Hà Phương

Tóm tắt: Mặc dù từng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, những năm gần đây, đóng góp của ngành khai thác khoáng sản vào GDP có xu hướng giảm. Sự sụt giảm này đặt ra yêu cầu làm cách nào để khai thác và quản trị tốt hơn nguồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao giá trị đóng góp của ngành vào nền kinh tế xã hội Việt Nam. Bằng việc ứng dụng khung phân tích về quản trị tài nguyên thiên nhiên, nhóm nghiên cứu tiến hành đánh giá một cách toàn diện hiện trạng quản trị tài nguyên khoáng sản tại Việt Nam. Kết quả cho thấy, việc quản trị tài nguyên khoáng sản tại Việt Nam chỉ đáp ứng được 6 trong số 27 tiêu chí đánh giá về quản trị tài nguyên thiên nhiên tốt. Do đó, Việt Nam cần nỗ lực hơn nữa trong việc cải thiện công tác quản trị tài nguyên khoáng sản, nhằm hướng tới việc khai thác và sử dụng một cách hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Từ khóa: EITI; Khung quản trị; NRG; Tài nguyên khoáng sản; Tài nguyên thiên nhiên.

Giới thiệu

Quản trị nguồn lực là một vấn đề phức tạp của các thể chế chính thức và phi chính thức, có thể bị tác động bởi các tác nhân trong quan hệ quyền lực bất đối xứng (Schilling và cộng sự, 2021). Trong khi đó, quản trị tài nguyên thiên nhiên nói chung dựa trên các chuẩn mực về thể chế và quy trình xác định cách thức thực hiện quyền lực và trách nhiệm đối với tài nguyên thiên nhiên, bao gồm sự tham gia của cộng đồng vào việc quản lý tài nguyên thiên nhiên (Campese và cộng sự, 2016). Các quốc gia có thể đạt được kết quả tốt hơn từ việc khai thác các nguồn tài nguyên nếu họ chỉ áp dụng các "thể chế tốt" để hạn chế các chính trị gia và quan chức tư lợi. "Thể chế tốt" đồng nghĩa với "quản trị tốt" và cả hai đều cung cấp giải pháp cho "lời nguyên tài nguyên". Do đó, các cải tiến

trong quản trị tốt cần được khuyến khích và điều này bằng cách nào đó sẽ tự động tạo thành thay đổi thể chế tích cực (Dietsche, 2018).

Tại Việt Nam, ngành công nghiệp khai khoáng từng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, nhưng trong những năm gần đây, đóng góp của ngành (không bao gồm hoạt động khai thác dầu và khí tự nhiên) vào GDP và lao động đã giảm sút. Theo tính toán của nhóm nghiên cứu, năm 2018, đóng góp của ngành công nghiệp khai khoáng trong GDP của Việt Nam chỉ khoảng 2,5%, giảm hơn một nửa so với năm 2012 (5,14%). Giá trị tuyệt đối tính bằng tiền cũng giảm từ hơn 77 nghìn tỷ đồng năm 2012 xuống còn hơn 70 nghìn tỷ đồng năm 2018. Sự sụt giảm này đặt ra yêu cầu làm cách nào để khai thác và quản trị tốt hơn nguồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao giá trị đóng góp của ngành vào nền kinh tế xã hội Việt Nam. Trước

thực tế đó, nhóm nghiên cứu tiến hành đánh giá toàn diện hiện trạng quản trị tài nguyên khoáng sản tại Việt Nam, từ quá trình hoạch định chiến lược, chính sách, quá trình cấp phép thăm dò, khai thác đến quá trình thu, phân phối và sử dụng nguồn thu cho phát triển đất nước, đồng thời xem xét các thách thức trong quản trị tài nguyên khoáng sản của Việt Nam, từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm cải thiện tình trạng này, đồng thời tăng cường sự phát triển bền vững cho ngành công nghiệp khai khoáng tại Việt Nam trong tương lai.

1. Tổng quan tài liệu

Theo Viện quản trị tài nguyên thiên nhiên, năm 2017, Việt Nam đạt 48/100 điểm quản trị tài nguyên, nằm trong nhóm các quốc gia có năng lực quản trị yếu. Mặc dù chỉ số này dựa trên số liệu quản trị dầu khí mà chưa đánh giá đối với loại khoáng sản khác, đây cũng là thông tin quan trọng để nhìn lại một cách đầy đủ về đánh giá của thế giới đối với công tác quản trị tài nguyên khoáng sản tại Việt Nam.

Đã có nhiều nghiên cứu đi vào phân tích thực trạng chung về quản trị tài nguyên khoáng sản tại Việt Nam, đặc biệt quan tâm đến quản trị trong bối cảnh phát triển bền vững trên cả nước (Lại Hồng Thanh và cộng sự, 2014), hoặc các địa phương cụ thể như Nghệ An (Hoàng Quốc Việt, 2018), Thanh Hóa (Lê Thị Lê, 2019). Các nghiên cứu này đã chỉ rõ được các vấn đề tồn tại là tình trạng không minh bạch trong quản trị vẫn diễn ra (VTV1, 2023; Đậu Anh Tuấn và cộng sự, 2017), vấn đề ô nhiễm môi trường do khai thác vẫn còn tồn tại (Bộ TNMT, 2017; CODE, 2012), thiếu trách nhiệm với cộng đồng địa phương (Nguyễn Đức Anh và cộng sự, 2015). Nhiều tài liệu tập trung đánh giá các khía cạnh khác nhau của quản trị như nghiên cứu các phương pháp định giá một số loại tài nguyên (SAMVAL, 2018; Nguyễn Tiến Chinh, 2010), nghiên cứu chi tiết về các loại nguồn thu trong khai thác khoáng sản như thuế

tài nguyên, tiền cấp quyền (Lê Xuân Trường, 2022; Bộ Công thương, 2017; Ủy ban kinh tế Quốc hội, 2017).

Các công trình nghiên cứu trên, mặc dù đầy đủ, nhưng mới chỉ quan tâm đến tác động của một chủ thể đến quản trị tài nguyên là Nhà nước, chưa có nghiên cứu về tác động của hai chủ thể còn lại là người dân và tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản. Ngoài ra, vẫn thiếu các nghiên cứu sử dụng khung phân tích quốc tế để đánh giá hiện trạng quản trị tài nguyên tại Việt Nam. Việc áp dụng khung phân tích quốc tế sẽ giúp kết quả đánh giá trở nên khách quan, phù hợp với bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu. Do đó, nghiên cứu này ứng dụng khung phân tích về quản trị tài nguyên thiên nhiên (NRG) để đánh giá một cách toàn diện hiện trạng quản trị tài nguyên khoáng sản tại Việt Nam, từ quá trình hoạch định chiến lược, chính sách, quá trình cấp phép thăm dò, khai thác đến quá trình thu, phân phối và sử dụng nguồn thu cho phát triển đất nước.

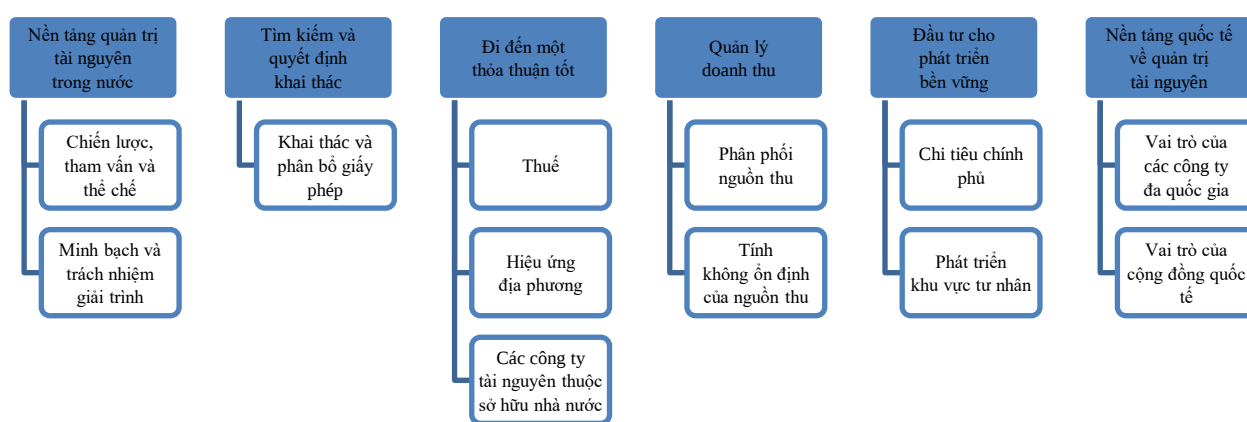
2. Khung phân tích quản trị tài nguyên thiên nhiên (NRG)

Đã có nhiều tiêu chuẩn được xây dựng để thúc đẩy quản trị tốt ngành khai khoáng như Sáng kiến minh bạch công nghiệp khai khoáng (EITI), hay Khung phân tích quản trị tài nguyên thiên nhiên (NRG) của viện Quản trị tài nguyên thiên nhiên (Natural Resource Governance Institute – NRG). Mỗi sáng kiến, tiêu chuẩn có phạm vi, cách sử dụng, và mục đích sử dụng khác nhau. Trong khi NRG quan tâm đến vấn đề lựa chọn chính sách và chiến lược phát triển thì EITI tập trung thúc đẩy công khai và trách nhiệm giải trình công nghiệp khai khoáng. Tuy nhiên, EITI không đề cập đến tất cả những thách thức mà ngành công nghiệp khai khoáng mang lại cho các quốc gia giàu tài nguyên. Việc công khai thông tin liên quan đến công nghiệp khai khoáng mặc dù rất quan trọng, nhưng chỉ thể hiện một bước trong việc nâng cao quản trị

ngành và tối đa hóa kết quả phát triển trong toàn bộ chuỗi giá trị ngành khai thác khoáng sản (Alba Mayorga, 2009). Nhiều quốc gia khác trên thế giới như Myanmar, Nigeria cũng đã áp dụng khung phân tích này để đánh giá hiện trạng quản trị tài nguyên (Natural Resource Governance Institute, 2017).

Khuôn khổ quản trị tài nguyên được áp dụng thông qua Bộ khung tiêu chuẩn. Dựa vào đó,

HÌNH 1. KHUNG PHÂN TÍCH QUẢN TRỊ TÀI NGUYÊN (NRG)



Nguồn: Resourcegovernance.org

3. Ứng dụng NRG trong phân tích hiện trạng quản trị tài nguyên khoáng sản tại Việt Nam

Chiến lược, tham vấn và thể chế

Khung chính sách, pháp luật

Tiêu chí 1: Có chiến lược quốc gia quản lý tài nguyên rõ ràng, bao trùm.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nêu rõ, tài nguyên khoáng sản thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Hiện nay, các hoạt động khoáng sản được điều chỉnh trong Luật khoáng sản 2010, sửa đổi 2018 và các văn bản

nhóm nghiên cứu xây dựng thành 27 tiêu chí của hệ thống quản trị tài nguyên khoáng sản tốt để đánh giá hiện trạng quản trị tài nguyên khoáng sản¹ tại Việt Nam. Khung phân tích NRG bao gồm một tập hợp 12 nguyên tắc dành cho các chính phủ và xã hội. Dựa vào đó các công cụ và lựa chọn chính sách được thiết kế để đảm bảo tài nguyên được khai thác hiệu quả và mang lại lợi ích tối đa cho người dân.

hướng dẫn thi hành; các quy hoạch, chiến lược tổng thể, các chính sách về môi trường, thuế, tài chính. Ngoài ra, Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đưa ra nhiều nhiệm vụ và giải pháp nhằm định hướng sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Luật khoáng sản (sửa đổi) thay thế Luật khoáng sản năm 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành, các chiến lược, quy hoạch liên quan.

Tuy nhiên, pháp luật về khoáng sản tại Việt Nam còn tồn tại nhiều vấn đề. Tiến độ ban hành

¹ Nghiên cứu này tạm thời loại trừ ngành dầu khí do đặc điểm và vai trò riêng biệt của ngành này trong bối cảnh kinh tế-chính trị của Việt Nam.

các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật còn chậm gây khó khăn cho doanh nghiệp khi áp dụng các quy định, đồng thời, có thể gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước khi chưa có hướng dẫn thu các khoản thu theo quy định. Có sự chồng chéo về quy định trong Luật khoáng sản 2010 và Luật đầu tư 2020. Một số quy định trong Luật khoáng sản chưa thực tế hoặc khó triển khai như quy định đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản tạo ra nhiều rủi ro cho doanh nghiệp (Ủy ban kinh tế Quốc hội, 2017; Bộ TNMT, 2017). Hệ thống chính sách, luật pháp liên quan đến ngành khai khoáng tại Việt Nam hiện tại chủ yếu chú trọng vào công đoạn thượng nguồn (upstream), chưa quan tâm nhiều đến phát triển công đoạn hạ nguồn (downstream). Ngoài ra, việc lập quy hoạch khoáng sản cũng còn chồng lấn với các quy hoạch khác.

Các cơ quan quản lý nhà nước

Tiêu chí 2: Đảm bảo các cơ quan liên quan đến quản lý khai khoáng hoạt động và phối hợp hiệu quả.

Từ năm 2004 đến nay, hoạt động quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản được giao cho ba bộ: Bộ Tài nguyên & Môi trường, Bộ Công Thương và Bộ Xây dựng. Ngoài ra, các cơ quan quản lý nhà nước khác cũng tham gia vào các hoạt động quản lý khoáng sản là Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND các cấp.

Việc tài nguyên khoáng sản được quản lý bởi nhiều cơ quan có thể làm giảm hiệu quả quản lý tài nguyên, do có thể có sự chậm trễ hoặc xung đột về quyền lợi giữa các cơ quan khi ban hành chính sách hoặc tham gia các sáng kiến, tiêu chuẩn quốc tế về khoáng sản. Bộ Công Thương là cơ quan chủ quản của nhiều doanh nghiệp nhà nước, đồng thời lại chủ trì lập quy hoạch khoáng sản, có thể có sự thiếu khách quan trong quá trình lập quy hoạch. Tình trạng thiếu nhân lực quản lý tồn tại tại nhiều địa

phương, số cán bộ thuộc biên chế còn mỏng dẫn đến việc kiểm tra, quản lý hoạt động khoáng sản, đặc biệt là bảo vệ khoáng sản chưa khai thác gặp nhiều khó khăn.

Minh bạch và trách nhiệm giải trình

Công khai giấy phép hoạt động khoáng sản

Tiêu chí 3: Công khai giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mặc dù yêu cầu về công khai giấy phép hoạt động khoáng sản chưa được luật hóa, điều 58 của Nghị định 158/2016/NĐ-CP đã quy định về việc cơ quan tiếp nhận hồ sơ xin cấp phép thăm dò khoáng sản phải thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân được lựa chọn. Tuy nhiên, theo điều tra của nhóm nghiên cứu trên website tổng cục địa chất khoáng sản, việc công khai theo Nghị định 158/2016/NĐ-CP chưa được thực hiện nghiêm túc. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này do pháp luật chưa có quy định về xử phạt khi thông tin không được hoặc chậm công khai thông tin.

Công khai thông tin chủ sở hữu hưởng lợi

Tiêu chí 4: Công khai thông tin chủ sở hữu hưởng lợi.

Việc công khai những thông tin chủ sở hữu giúp giảm bớt nguy cơ doanh nghiệp thực hiện các hành vi bất hợp pháp (Natural Resource Governance Institute, 2016), và hạn chế sự không công bằng khi đưa ra các quyết định liên quan đến hoạt động khoáng sản. Hiện nay, một vài quốc gia như Ghana và Uruguay đã quan tâm đến xây dựng khung pháp lý có liên quan để tăng cường minh bạch chủ sở hữu hưởng lợi, đặc biệt trong lĩnh vực khai khoáng (Nguyễn Thu Trang, 2023). Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam chưa có quy định về công khai chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp.

Công khai báo cáo khoáng sản

Tiêu chí 5: Công khai báo cáo khoáng sản.

Theo Nghị định 158/2016/NĐ-CP, hàng năm, DN phải gửi đến các cơ quan nhà nước Báo cáo kết quả hoạt động thăm dò khoáng sản và Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, việc công khai các báo cáo hoạt động khoáng sản chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng chưa nghiêm túc trong thực hiện và nộp báo cáo (Đậu Anh Tuấn và cộng sự, 2017).

Thông tin địa chất về khoáng sản

Tiêu chí 6: Có quyền truy cập thông tin địa chất cập nhật.

Theo Luật khoáng sản 2010, sửa đổi 2018, cá nhân, tổ chức có quyền được cung cấp thông tin về khoáng sản theo quy định. Tuy nhiên, theo Đậu Anh Tuấn và cộng sự (2017), nhiều doanh nghiệp phản ánh thông tin địa chất khoáng sản có độ chính xác chưa cao.

Quyết định khai thác

Tiêu chí 7: Xem xét các tác động phi tài chính trước khi cấp giấy phép khai thác.

Luật khoáng sản 2010, sửa đổi 2018 quy định doanh nghiệp phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường trước khi tiến hành khai thác. Trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường, chủ dự án phải tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân và các bên liên quan chịu tác động trực tiếp bởi dự án khai khoáng.

Tuy nhiên, việc tham vấn còn mang tính hình thức. Tồn tại các quan điểm trái chiều về công suất khai thác trong giấy phép khai thác. Chẳng hạn, có quan điểm cho rằng, quy định không được khai thác sản lượng vượt quá công suất cho phép là chưa hợp lý vì sản lượng khai thác phải đáp ứng nhu cầu thị trường; ngoài ra, quy định này có thể cản trở doanh nghiệp nâng cấp công nghệ khai thác, chế biến để tăng sản lượng. Tuy nhiên, cũng có quan điểm cho rằng,

việc giới hạn công suất khai thác là cần thiết, để tạo thuận lợi cho quá trình xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí cho hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác.

Phân bổ giấy phép khai thác

Tiêu chí 8: Đảm bảo quy trình cấp phép hiệu quả, minh bạch.

Việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện theo 2 phương thức là qua đấu giá và không qua đấu giá. Việt Nam đã có những quy định rõ ràng về quy trình đấu giá, cấp phép thăm dò, khai thác, thể hiện trong Luật khoáng sản 2010, sửa đổi 2018; Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; và Nghị định số 22/2012/NĐ-CP. Pháp luật quy định các thông tin liên quan đến đấu giá cần được công khai.

Tuy nhiên, việc tổ chức đấu giá tại các mỏ chưa thăm dò gặp khó khăn do thiếu thông tin chính xác để xác định trữ lượng tính giá khởi điểm, dẫn đến rủi ro thua lỗ cho doanh nghiệp nếu trữ lượng khoáng sản khác tài nguyên dự báo. Tiêu chí xác định khu vực khoáng sản không mang ra đấu giá và tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp được quyền khai thác tại khu vực này chưa rõ ràng. Việc công khai thông tin chưa được thực hiện nghiêm túc khiến doanh nghiệp gặp khó khăn khi tham gia đấu giá quyền cấp quyền khai thác khoáng sản. Quy định về số lượng doanh nghiệp tham gia đấu giá gây nhiều tranh cãi. Một vài địa phương còn tình trạng khai thác khoáng sản nhưng chưa có hợp đồng thuê đất; khai thác khi chưa có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy phép đã hết hạn; chưa thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng (Kiểm toán nhà nước, 2021). Công tác cấp giấy phép khai thác vẫn thiếu công bằng, khi có đến 10% các doanh nghiệp lớn nhận được ưu ái hơn so với các doanh nghiệp nhỏ và vừa (VCCI & USAID, 2022).

Thu thuế - phí

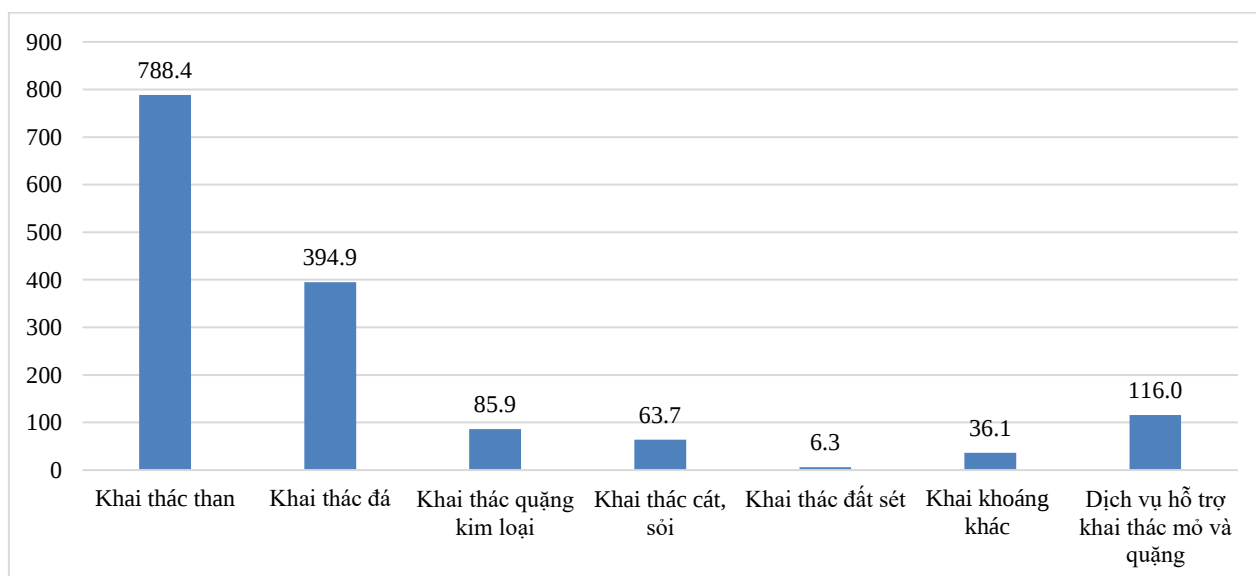
Hệ thống thuế, phí

Tiêu chí 9: Bảo đảm chế độ thuế nhất quán, dễ hiểu, phản ứng kịp thời với biến động giá cả.

Các doanh nghiệp khai thác khoáng sản phải nộp vào NSNN bốn loại thuế, phí riêng cho ngành này là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và thuế bảo vệ môi trường (với than đá). Ngoài ra, các DN khai thác khoáng sản còn phải nộp tiền ký quỹ bảo vệ môi trường để bảo đảm nghĩa vụ cải tạo, phục hồi môi trường được thực hiện sau khi dự án kết thúc.

Tuy nhiên, các khoản thuế, phí vẫn gây nhiều vướng mắc cho doanh nghiệp. Tính hợp lý của thuế tài nguyên và tiền cấp quyền vẫn gây nhiều tranh cãi, liệu hai loại thuế phí này giống nhau (Liên minh khoáng sản, 2017; Bộ Công thương, 2017; Ủy ban kinh tế Quốc hội, 2017), hay khác nhau do bản chất và phương pháp tính không giống nhau. Có sự không đồng nhất trong quy định của phí bảo vệ môi trường và Luật khoáng sản, có thể dẫn đến tình trạng tổ chức thu gom mua khoáng sản khai thác trái phép.

HÌNH 2. SỐ THUẾ THU NHẬP CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH KHAI KHOÁNG NỘP VÀO NSNN CHIA THEO LĨNH VỰC TẠI VIỆT NAM, 2019 (TỶ ĐỒNG)



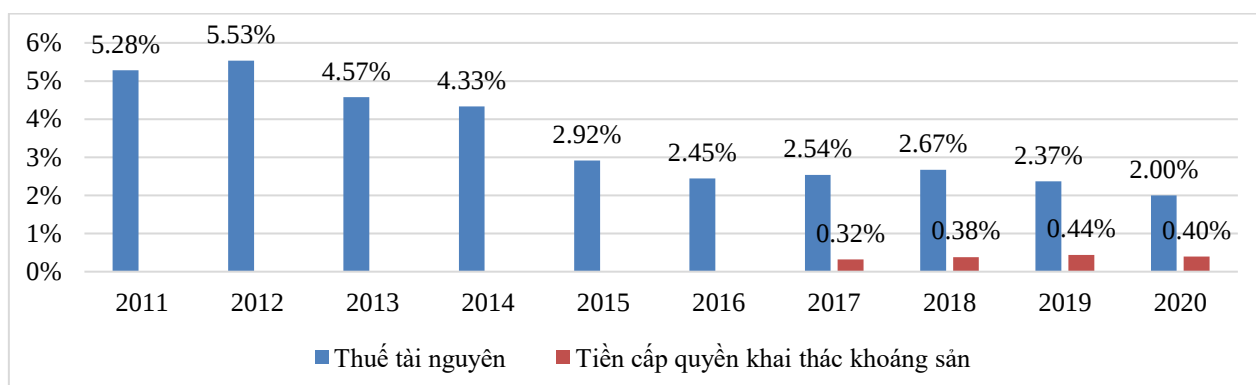
Nguồn: Tính toán từ dữ liệu VEC 2019.

Thu thuế, phí

Tiêu chí 10: Đảm bảo rằng các nghĩa vụ thuế được hạch toán.

Tại Việt Nam, theo quy định của Luật quản lý thuế 2019, các khoản thu từ ngành khai khoáng (trừ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) được thu theo cơ chế đối tượng nộp thuế phải tự tính thuế và kê khai thuế với cơ quan quản lý thuế. Số liệu điều tra doanh nghiệp năm 2019 cho thấy, các doanh nghiệp ngành khai khoáng đóng góp khoảng 1.491,2 tỷ đồng tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, tương đương 0,61% tổng thu ngân sách từ thuế thu nhập doanh nghiệp của cả nước. Tuy là nguồn thu chính từ lĩnh vực khai khoáng vào NSNN (chiếm khoảng 70% trong tổng nguồn thu từ khoáng sản (Adam Smith, 2013; dẫn lại theo Đậu Anh Tuấn và cộng sự, 2015), tỷ trọng thuế tài nguyên trong NSNN khá khiêm tốn và có xu hướng giảm mạnh xuống còn khoảng 2% năm 2020. Tỷ trọng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong thu NSNN rất nhỏ, chỉ xấp xỉ 0,4% năm 2020, tuy nhiên có xu hướng tăng.

HÌNH 3. TỶ LỆ THU THUẾ TÀI NGUYÊN VÀ TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN SO VỚI TỔNG THU NSNN, 2011 - 2020 (%)



Nguồn: *Quyết toán NSNN các năm 2011 - 2020.*

Mặc dù cơ quan thuế lo ngại việc số thuế phải nộp dựa vào sản lượng khai thác doanh nghiệp tự kê khai có thể dẫn đến tình trạng doanh nghiệp khai thấp hơn số liệu thực tế để trốn thuế, trên thực tế, chưa có cơ chế để DN nộp đủ thuế trong trường hợp khai thác nhiều hơn sản lượng được cấp phép. Ngoài ra, cũng có lo ngại có thể có sự bất tay giữa cơ quan thuế và doanh nghiệp để hợp thức hóa đơn chứng từ. Việc thu các nguồn thu từ khoáng sản chưa được thực hiện nghiêm túc khi một vài địa phương vẫn còn hiện tượng khai thác vượt sản lượng so với giấy phép; xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chưa đúng quy định; không kê khai hoặc kê khai quyết toán thuế tài nguyên không theo từng chủng loại, hàm lượng khoáng sản (Kiểm toán nhà nước, 2021).

Giám sát nguồn thu

Tiêu chí 11: Áp dụng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt để giám sát tài chính.

Giám sát sản lượng khai thác bằng cách lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác và lắp đặt camera giám sát tại các kho chứa để lưu giữ thông tin, số liệu liên quan là biện pháp hiện được sử dụng để xác định số thuế doanh nghiệp phải nộp. Doanh nghiệp sẽ bị phạt nếu không lắp đặt trạm cân và camera.

Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều địa phương chưa nghiêm túc thực hiện quy định này. Ngoài ra, có ý kiến cho rằng, quy định này là chưa hợp lý vì doanh nghiệp vẫn có cách nếu thật sự muốn gian dối trong kê khai sản lượng. Thêm vào đó, việc lắp đặt trạm cân và camera cho từng mỏ là khó khả thi và tốn kém, nên được thay thế bằng cách sử dụng một trạm cân cho các mỏ khoáng sản cạnh nhau có chung đường ra khỏi mỏ.

Hiệu ứng địa phương

Đánh giá tác động

Tiêu chí 12: Có mục đích chiến lược và thiết lập chính sách rõ ràng cho các Đánh giá tác động môi trường, xã hội.

Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định các dự án khai thác khoáng sản phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường. Ngoài ra, với các loại khoáng sản độc hại, doanh nghiệp phải có bản cam kết bảo vệ môi trường trước khi tiến hành thăm dò. Các báo cáo này đều phải được phê duyệt bởi cơ quan có thẩm quyền.

Tham vấn

Tiêu chí 13: Có sự tham gia của cộng đồng trong quá trình đánh giá.

Trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường, chủ dự án phải tiến hành tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án khai khoáng; cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến dự án. Ngoài ra, khi doanh nghiệp tiến hành giải phóng mặt bằng để xây dựng hoặc mở rộng mỏ cũng cần sự đồng ý của người dân địa phương.

Tuy nhiên, hoạt động tham vấn mới chỉ quan tâm đến cộng đồng địa phương sinh sống quanh khu vực khai thác, chưa quan tâm đến cộng đồng khác như cộng đồng người dân tộc thiểu số có thực hành văn hóa tại địa phương nhưng không sống tại đó. Tại một số địa phương, việc tham vấn còn mang tính hình thức. Nhiều kiến nghị của cộng đồng địa phương với doanh nghiệp chưa được đáp ứng.

Bảo vệ cộng đồng

Tiêu chí 14: Có biện pháp bảo vệ cộng đồng bị ảnh hưởng bởi hoạt động khai khoáng.

Luật khoáng sản 2010, sửa đổi 2018 đã có quy định về bảo vệ cộng đồng địa phương. Theo phản ánh của người dân² sống xung quanh các mỏ khoáng sản, bên cạnh việc tuyển dụng người dân địa phương vào làm việc, các doanh nghiệp cũng hỗ trợ tặng quà người dân vào các dịp lễ tết. Ngoài ra, sự có mặt của doanh nghiệp khai khoáng cũng giúp người dân phát triển các dịch vụ hỗ trợ như mở quán tạp hóa và dịch vụ ăn uống.

Tuy nhiên, người dân sống quanh khu vực có mỏ khai thác cho biết, họ chịu tác động của ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản nhưng doanh nghiệp thiếu trách nhiệm trong việc hỗ trợ khắc phục. Vẫn tồn tại nguy cơ gây xung đột tại địa phương

giữa người dân và công nhân khai thác từ nơi khác đến do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm, tập tục văn hóa.

Doanh nghiệp nhà nước

Vai trò của doanh nghiệp nhà nước

Tiêu chí 15: Quyền và nghĩa vụ của DNNN được quy định rõ.

Số liệu tính toán từ Tổng điều tra doanh nghiệp cho thấy tính đến 31/12/2019, Việt Nam có 62 DNNN hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản. Trong đó, Tập đoàn than - khoáng sản Việt Nam (TKV) là một trong những DNNN quan trọng nhất. Nghĩa vụ, mục tiêu hoạt động, cơ chế tài chính của tập đoàn được quy định trong Nghị định 105/2018/NĐ-CP ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn than – khoáng sản Việt Nam.

Tuy nhiên, việc thực hiện các nghĩa vụ của TKV còn gặp nhiều vấn đề như các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước nhiều hạn chế. Điều này có thể là một trong những nguyên nhân dẫn đến khoản nợ 70 nghìn tỷ đồng của tập đoàn (theo báo cáo tài chính hợp nhất 6/2023), tạo thành nguy cơ gánh nặng ngân sách trong tương lai.

Minh bạch và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp nhà nước

Tiêu chí 16: Đảm bảo minh bạch trong hoạt động và trách nhiệm giải trình của DNNN.

Thực hiện Nghị định 81/2015/NĐ-CP về công bố thông tin DNNN, TKV đã công khai báo cáo tài chính (đã kiểm toán) các năm 2017 - 2021 lên website của tập đoàn. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, báo cáo mục tiêu tổng quát và kế hoạch kinh doanh,

² Dựa trên phỏng vấn sâu 15 người dân được thực hiện năm 2023 tại các tỉnh Yên Bái, Nghệ An, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Thanh Hóa, Điện Biên, trong khuôn khổ dự án “Hướng tới một hệ thống quản trị tài nguyên tốt hơn: Cách tiếp cận kinh tế chính trị” do Liên minh Công bằng

Thuế Việt Nam (VATJ) và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS) thực hiện.

và kết quả thực hiện các hoạt động công ích đều được công khai trên website của tập đoàn.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại nguy cơ thiếu công bằng, không minh bạch trong giám sát hoạt động và tài chính của TKV nói riêng và các DNNN nói chung do các DN này thường có mối quan hệ thân thiết với cơ quan quản lý.

Quản trị doanh nghiệp nhà nước

Tiêu chí 17: Hạn chế sự can thiệp chính trị vào DNNN.

Theo Nghị định 105/2018/NĐ-CP, tổ chức quản lý cao nhất và cơ quan đại diện trực tiếp chủ sở hữu nhà nước của TKV là Hội đồng thành viên. Chủ tịch Hội đồng do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Điều này, cùng với việc hoạt động của DNNN được điều chỉnh theo Nghị định của Chính phủ cho thấy vẫn còn sự can thiệp chính trị vào DNNN.

Phân phối và sử dụng nguồn thu

Ngân sách nhà nước

Tiêu chí 18: Ổn định tốc độ tăng chi hàng năm, đưa các mục ngoài ngân sách vào ngân sách và đảm bảo bền vững tài khóa dài hạn.

Tại Việt Nam, Ngân sách nhà nước được quản lý thống nhất, có sự phân cấp quản lý. Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình tài khóa ngày càng được quan tâm, thể hiện qua Luật ngân sách Nhà nước đã quy định công khai các tài liệu ngân sách. Theo khảo sát Chỉ số công khai ngân sách tỉnh POBI 2021 (BTAP và cộng sự, 2022), có 31/63 tỉnh, thành phố công khai đầy đủ các tài liệu được yêu cầu. Bên cạnh các quỹ tài chính do NSNN hỗ trợ kinh phí, hệ thống tài chính công Việt Nam còn có các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, như quỹ bảo vệ môi trường, nơi DN thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường trước khi bắt đầu khai thác.

Tuy nhiên, chính sách tài khóa của Việt Nam hiện nay chưa đảm bảo tài khóa bền vững

dài hạn (Vũ Sỹ Cường, 2022; Nguyễn Đình Cung, 2022). Tỷ lệ thu NSNN/GDP có xu hướng tăng từ 2012 – 2020, tuy nhiên bắt đầu có khuynh hướng giảm từ 2021. Trong khi đó, bội chi NSNN so với GDP kéo dài và đang có xu hướng tăng trở lại (tăng từ 2,67% năm 2019, lên lần lượt là 3,44% và 3,41% năm 2020 và 2021, theo tính toán của nhóm tác giả từ số liệu quyết toán NSNN). Ngoài ra, phần lớn các tỉnh chưa công khai quỹ ngoài ngân sách, bao gồm quỹ bảo vệ môi trường (BTAP và cộng sự, 2022), dẫn đến khó khăn cho việc giám sát việc sử dụng nguồn thu này.

Phân bổ nguồn thu

Tiêu chí 19: Phân bổ nguồn thu hợp lý.

Hiện nay, quy định về phân bổ nguồn thu từ khai thác khoáng sản nằm tản mát trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật như Luật ngân sách Nhà nước 2015, sửa đổi 2020; Nghị định 67/2019/NĐ-CP hướng dẫn tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Nguồn thu được phân bổ theo ba phương án, NSTW hưởng 100% (các loại thuế xuất nhập khẩu,...), NSTW và NSDP hưởng theo tỷ lệ (tiền cấp quyền/đầu giá khai thác,...), và NSDP hưởng 100% (thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường,...). Việc phân bổ nguồn thu của NSDP thay đổi theo từng tỉnh, thành phố, trung ương chưa có hướng dẫn chung cho tất cả các địa phương.

Tuy nhiên, việc thông tin về các khoản đóng góp của doanh nghiệp chưa được công khai, gây khó khăn trong giám sát hoạt động khai thác khoáng sản và quản lý thuế tài nguyên (Nguyễn Đức Anh và cộng sự, 2015). Do chưa có quy định phân bổ nguồn thu tài nguyên khoáng sản thống nhất tại các địa phương nên việc phân chia nguồn thu tài nguyên khoáng sản từ Trung ương cho các địa phương và từ cấp tỉnh tới cấp xã, huyện chưa rõ ràng, dẫn đến một số bất hợp lý và tùy tiện trong việc phân bổ nguồn thu, đặc

biệt một số xã/huyện có hoạt động khai thác khoáng sản chưa được tái đầu tư thỏa đáng.

Vai trò tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Tiêu chí 20: Làm rõ các DNNN có thể giữ lại bao nhiêu vốn và sử dụng vốn như thế nào.

Việc đầu tư của Nhà nước vào doanh nghiệp nhà nước, phân chia lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Nghị định 81/2015/NĐ-CP về công bố thông tin của DNNN, Nghị định 87/2015/NĐ-CP về giám sát vốn đầu tư nhà nước vào doanh nghiệp.

Chi tiêu chính phủ và phát triển khu vực tư nhân

Quản lý tài chính công

Tiêu chí 21: Đồng bộ hóa hệ thống tài chính giữa các bộ để nâng cao đầu tư công.

Hệ thống tổ chức bộ máy tài chính công Việt Nam bao gồm các cơ quan chủ yếu sau: Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước (Asian Development Bank, 2017). Trong những năm qua, đề án cải cách quản lý tài chính công tại Việt Nam đã đạt được một số thành tựu thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin như thực hiện cơ chế một cửa quốc gia,...

Tuy nhiên, Việt Nam hiện chưa có hệ thống thông tin quản lý tài chính công tích hợp quốc gia, dẫn đến các cấu phần của tài chính công chưa được bao quát hết, yêu cầu về quản lý đầu tư công chưa được hỗ trợ đầy đủ và chưa có sự liên kết với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong lĩnh vực này (Bộ Tài chính, 2014). Để xây dựng kho dữ liệu tài chính tập trung, khắc phục tình trạng dữ liệu bị phân tán, Chính phủ đang xây dựng hệ thống thông tin quản lý tài chính chính phủ (GFMIS).

Khoảng cách cơ sở hạ tầng

Tiêu chí 22: Cải thiện cơ sở hạ tầng liên quan đến khai thác.

Trong các quy hoạch khoáng sản, mục tiêu về đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp hạ tầng cơ sở đồng bộ với phát triển các dự án khai thác, chế biến khoáng sản (giao thông, điện, cấp nước...) đều được đưa ra. Đầu tư của Chính phủ vào hạ tầng công cộng vẫn tiếp tục được duy trì, tỷ trọng chi cho đầu tư phát triển (chủ yếu là chi xây dựng cơ bản) trên tổng chi NSNN vẫn ở mức cao. Theo tính toán của nhóm nghiên cứu dựa trên số liệu quyết toán NSNN giai đoạn 2016 – 2020, chi đầu tư phát triển chiếm 28,16% tổng chi NSNN, tăng so với giai đoạn 2011 – 2015 (25,53%). Ngoài ra, Chính phủ đã khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư vào cơ sở hạ tầng thông qua việc đa dạng hóa các mô hình đầu tư tài chính như mô hình đối tác công - tư (PPP). Tuy nhiên, mặc dù đã được cải thiện, cơ sở hạ tầng của Việt Nam vẫn ở mức thấp. Hệ thống vận tải khoáng sản gây ô nhiễm môi trường.

Các công ty đa quốc gia

Hiệu quả xã hội

Tiêu chí 23: Quan tâm các tiêu chuẩn xã hội và mối quan hệ với cộng đồng.

Tại Việt Nam, các doanh nghiệp đa quốc gia (30 DN tính đến 31/12/2019, chiếm khoảng 0,96%) không được hưởng ưu đãi gì hơn so với các doanh nghiệp nội địa. Các DN FDI hoạt động giống công ty Việt Nam và phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường và hỗ trợ cộng đồng địa phương.

Tuy nhiên, tương tự các doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp đa quốc gia hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản tại Việt Nam vẫn chưa thật sự quan tâm đến các tác động môi trường của hoạt động khai khoáng.

Sự đồng thuận của địa phương

Tiêu chí 24: Tham vấn cộng đồng trước khi bắt đầu dự án.

Tương tự như với các DN Việt Nam, các doanh nghiệp FDI cũng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và tổ chức tham vấn để xác định các tác động của dự án đến người dân địa phương và thảo luận về phương pháp khắc phục trước khi bắt đầu khai thác. Ngoài ra, cần sự đồng ý của người dân địa phương khi doanh nghiệp tiến hành giải phóng mặt bằng để xây dựng hoặc mở rộng mỏ.

Tuy nhiên, tại một số địa phương, việc tham vấn còn mang tính hình thức. DN thiếu quan tâm đến các kiến nghị của cộng đồng địa phương.

Tiêu chuẩn quốc tế

Tiêu chí 25: Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế chưa có trong nước.

Bên cạnh các tiêu chuẩn Việt Nam như Tiêu chuẩn quốc tế về an toàn và sức khỏe lao động, các doanh nghiệp đa quốc gia phải tuân thủ pháp luật trong nước khi đầu tư ra nước ngoài. Một vài tiêu chuẩn quốc tế đang dần được các doanh nghiệp trên thế giới áp dụng như 8 tiêu chuẩn Hiệu suất, Hướng dẫn về Môi trường Sức khỏe và An toàn chung và theo ngành của Tập đoàn Tài chính Quốc tế (International Finance Corporation - IFC) (Natural Resource Governance Institute, 2016).

Tuy nhiên, tại Việt Nam, các tiêu chuẩn mà các công ty đa quốc gia đang tuân thủ chủ yếu nhằm hạn chế tham nhũng. Các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế về môi trường và xã hội vẫn chưa được áp dụng rộng rãi.

Cộng đồng quốc tế

Kế hoạch bao trùm

Tiêu chí 26: Duy trì hỗ trợ quốc tế phù hợp với các nguyên tắc phát triển rộng rãi và công bằng.

Quá trình hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế quốc tế đòi hỏi Việt Nam phải tuân thủ đúng theo các tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là những tiêu chuẩn liên quan đến minh bạch và trách nhiệm giải trình. Ngoài ra, hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) quy định đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực khai thác khoáng sản phải mang lại lợi ích ròng cho Việt Nam, bao gồm lợi ích liên quan đến việc làm của người dân. Nhiều cộng đồng, tổ chức quốc tế thường xuyên thực hiện, hoặc tài trợ cho các tổ chức Việt Nam thực hiện các dự án liên quan đến phát triển bền vững ngành công nghiệp khai khoáng.

Giám sát và thực thi

Tiêu chí 27: Thực hiện các quy tắc ứng xử quốc tế và thông lệ tốt nhất.

Trên thế giới đã có nhiều tiêu chuẩn, sáng kiến để thúc đẩy minh bạch và năng lực quản trị tài nguyên ở các quốc gia giàu tài nguyên, như Sáng kiến minh bạch trong ngành công nghiệp khai khoáng EITI. Nhiều quốc gia phát triển như Mỹ và Na Uy cũng là thành viên của sáng kiến này. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chưa tham gia hoặc áp dụng tiêu chuẩn quốc tế nào liên quan đến lĩnh vực khai khoáng.

Kết luận

Kết quả rà soát và đánh giá cho Việt Nam nhằm xem xét hiện trạng quản trị tài nguyên tại Việt Nam cho thấy, Việt Nam chỉ đáp ứng được một phần của 6 trong tổng số 27 tiêu chí của quản trị tốt. Các tiêu chí chưa được thực hiện tốt bao gồm: tiêu chí về khung chính sách pháp luật; tiêu chí về cơ quan quản lý nhà nước; tiêu chí liên quan đến công khai, minh bạch; tiêu chí về quyết định khai thác; tiêu chí về phân bổ giấy phép khai thác; các tiêu chí liên quan đến thu thuế - phí; tiêu chí về tham vấn cộng đồng; tiêu chí về bảo vệ cộng đồng; tiêu chí về quản trị DN; các tiêu chí liên quan đến phân phối và sử dụng nguồn thu; tiêu chí liên quan đến chi

tiêu chính phủ và phát triển khu vực tư nhân; các tiêu chí liên quan vai trò của các công ty đa quốc gia; và tiêu chí về giám sát và thực thi các tiêu chuẩn quốc tế.

Trên cơ sở phân tích các thách thức đặt ra trong quản trị tài nguyên khoáng sản tại Việt Nam, nhóm nghiên cứu cho rằng, các chính sách của Chính phủ cần đảm bảo phát triển ngành công nghiệp khai khoáng một cách bền vững. Chính phủ cần vận dụng tối đa cơ chế thị trường cạnh tranh trong việc cấp phép quyền khai thác (đi liền với sự minh bạch và trách nhiệm giải trình). Cùng với đó là việc tăng cường tiêu chuẩn trong toàn bộ chuỗi giá trị của ngành khai khoáng để đảm bảo giá trị khoáng sản khai thác phản ánh giá trị thực của toàn

chuỗi giá trị. Các chi phí phát sinh trong quá trình khai thác, bao gồm cả các chi phí ngoại hiện (external costs) mà các bên liên quan phải gánh chịu cần phải được tính đúng, tính đủ nhằm đảm bảo giải quyết được các vấn đề về xã hội và môi trường phát sinh do hoạt động khai thác. Để có thể làm được điều này, việc thiết lập một cơ chế phân bổ nguồn thu từ ngành khai khoáng bù đắp trực tiếp các chi phí ngoại hiện một cách đúng đắn và thỏa đáng là cần thiết. Ngoài ra, việc tăng cường sự tham gia (thực chất) của người dân, từ thượng nguồn tới hạ nguồn cũng sẽ góp phần tăng cường hiệu quả của quá trình tính toán chi phí ngoại hiện và bảo đảm đền bù chi phí thỏa đáng cho người dân, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, đặc biệt tại các khu vực có hoạt động khai thác.

Tài liệu tham khảo

1. Alba Mayorga, E. (2009). *Extractive Industries Value Chain* (No. 3; *Extractive Industries for Development Series*). The World Bank.
2. Asian Development Bank (2017). *Public Financial Management Systems—Viet Nam: Key Elements from a Financial Management Perspective*. Asian Development Bank. <https://doi.org/10.22617/RPT178643-2>.
3. Bộ Công thương (2017). Tình hình 05 năm thực hiện Nghị quyết 02-NQ /TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị và các tác động của Luật khoáng sản năm 2010. Trong *Tham luận hội thảo: Đánh giá 05 năm thực hiện chủ trương, chính sách và pháp luật về khoáng sản*.
4. Bộ Tài chính (2014). *Mô hình và lộ trình tổng thể hệ thống GFMS giai đoạn 2015-2025*. Truy cập tại https://mof.gov.vn/webcenter/portal/tptltc/pages_r/l/chi-tiet-tin-tptltc?dDocName=BTC316377
5. Bộ TNMT (2017). Đánh giá tình hình 05 năm thực thi chủ trương, chính sách, pháp luật về khoáng sản. Trong *Tham luận hội thảo: Đánh giá 05 năm thực hiện chủ trương, chính sách và pháp luật về khoáng sản* (pp. 16–24).
6. BTAP, CDI, & VESS (2022). *Báo cáo chỉ số công khai ngân sách tỉnh 2021*.
7. Campese, J., Nakangu, B., Silverman, A., & Springer, J. (2016). Natural resource governance framework assessment guide: Learning for improved natural resource governance. *IUCN/CEESP NRGF Working Paper*.
8. CODE (2012). *Thực trạng quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản trong bối cảnh phát triển bền vững ở Việt Nam*. Pan Nature.
9. Dietsche, E. (2018). Political Economy and Governance. In T. Addison & A. Roe (Eds.), *Extractive industries: The management of resources as a driver of sustainable development* (First edition). Oxford University Press.

10. Đậu Anh Tuấn, Nguyễn Minh Đức, Trần Thanh Thủy, Trịnh Lê Nguyên, Dương Văn Thọ, & Lê Xuân Trường (2015). *Thực thi EITI để cải cách ngành công nghiệp khai thác khoáng sản ở Việt Nam*. VCCI và Pan Nature.
11. Đậu Anh Tuấn, Phan Minh Thủy, Nguyễn Minh Đức, & Đinh Tiến Hoàng (2017). *Báo cáo về mức độ tuân thủ các quy định pháp luật về minh bạch trong lĩnh vực khoáng sản*. VCCI và Liên minh Khoáng sản.
12. Hoàng Quốc Việt (2018). *Nghiên cứu tăng cường quản lý Nhà nước về hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế. Trường Đại học mở - địa chất.
13. Kiểm toán nhà nước (2021). *Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán nhà nước 2021*.
14. Lại Hồng Thanh, Phạm Ngọc Chi, Phạm Khắc Mạnh, Hoàng Cao Phương, Nguyễn Đức Thu, Lê Đỗ Trí, Lương Thế Việt (2014). *Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn đề xuất cơ chế nâng cao hiệu quả quản trị tài nguyên khoáng sản*. Đề tài nhanh đề tài NCKH cấp Bộ Mã số TNMT.03/10-15.
15. Liên minh khoáng sản (2017). Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoáng sản. *Tham luận hội thảo: Đánh giá 05 năm thực hiện chủ trương, chính sách và pháp luật về khoáng sản*.
16. Lê Thị Lệ (2019). Nghiên cứu hiện trạng quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và một số kiến nghị. *Tạp chí công nghiệp mỏ*, 2.
17. Lê Xuân Trường (2022). *Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài chính trong hoạt động khoáng sản ở Việt Nam*. Pan Nature.
18. Nguyễn Đức Anh, Trần Thị Thanh Thủy, & Trần Thị Thanh Hải. (2015). *Bộ tiêu chuẩn EITI 2013 và khả năng đáp ứng chính sách của Việt Nam*. NXB Hà Nội.
19. Nguyễn Đình Cung (2022). *Diễn đàn chính sách tài khóa và phát triển Việt Nam 2022* [Interview]. Truy cập tại <https://www.facebook.com/VESScenter2020/videos/461299199457997>
20. Natural Resource Governance Institute.(2016). *Myanmar and the Natural Resource Charter: 28 Priority Issues for the Extractive Industries*. The Natural Resource Governance Institute.
21. Natural Resource Governance Institute (2017). *Natural Resource Charter Benchmarking Framework*. Natural Resource Governance Institute.
22. Nguyễn Tiến Chinh (2010). *Nghiên cứu các chỉ tiêu đánh giá giá trị tài nguyên khoáng sản phục vụ quản lý tài nguyên than tại một số mỏ Quảng Ninh*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế. Trường Đại học mở - địa chất.
23. Nguyễn Thu Trang (2023). *Kinh nghiệm quốc tế về minh bạch chủ sở hữu hưởng lợi*. <https://Thanhtra.Com.Vn>. Truy cập tại <https://thanhtra.com.vn/quoc-te/kinh-nghiem-quoc-te-ve-minh-bach-chu-so-huu-huong-loi-205496.html>
24. South African Mineral Asset Valuation Committee (SAMVAL) Working Group. (2018). *The South African Code For The Reporting of Mineral Asset Valuation (The SAMVAL Code) 2016 Edition*
25. Schilling, J., Schilling-Vacaflor, A., Flemmer, R., & Froese, R. (2021). A political ecology perspective on resource extraction and human security in Kenya, Bolivia and Peru. *The Extractive Industries and Society*, 8(4), 100826. <https://doi.org/10.1016/j.exis.2020.10.009>
26. Ủy ban kinh tế Quốc hội (2017). Tăng cường vai trò giám sát của quốc hội trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về khoáng sản. Trong *Tham luận hội thảo: Đánh giá 05 năm thực hiện chủ trương, chính sách và pháp luật về khoáng sản* (pp. 9–15).
27. VTV 1 (2023). Tiêu điểm kinh tế—23/02/2023. Trong *Tiêu điểm kinh tế VTV*. <https://vtv.vn/video-606133.htm>.
28. VCCI & USAID (2022). *Báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam PCI 2021*.

29. Vũ Sỹ Cường (2022). *Diễn đàn chính sách tài khóa và phát triển Việt Nam 2022* [Interview]. Truy cập tại <https://www.facebook.com/VESScenter2020/videos/461299199457997>.

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Đức Thành, TS.

- Đơn vị công tác: Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS).
- Địa chỉ email: thanh.nguyenduc@vess.org.vn

2. Phạm Văn Long, ThS.

- Đơn vị công tác: Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS).

3. Lê Hà Phương, ThS.

- Đơn vị công tác: Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS).

Ngày nhận bài: 06/9/2023

Ngày nhận bản sửa: 28/10/2023

Ngày duyệt đăng: 16/11/2023